

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Chỉ.

2. Bà Thái Thị Viết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Quảng Nam (Theo Quyết định số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng C về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án). Địa chỉ: Số 96 đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, tại bản tự khai ngày 21/12/2018, biên bản hòa giải ngày 20/02/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đoàn Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và anh C thường hay vắng nhà, không quan tâm đến gia đình, tình cảm đối với vợ con quá lạnh nhạt. Nay, chị xét thấy không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 người con chung, gồm: Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1992; Nguyễn Văn P, sinh năm 1997 và Nguyễn Văn T, sinh năm 2004. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/11/2004 cho đến khi đủ 18 tuổi; còn Nguyễn Thị Trà M, Nguyễn Văn P đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh C có vay của Ngân hàng C (*Phòng Giao dịch huyện T*) số tiền 30.000.000 đồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia mỗi người trả một nửa. Tuy nhiên, ngày 13/02/2019, chị D có đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia số tiền nợ này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2018, biên bản hòa giải ngày 20/02/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Đoàn Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây, giữa hai người thường hay xảy ra mâu thuẫn nên anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 03 người con chung như chị D trình bày, anh đồng ý giao cháu Nguyễn Văn T, sinh năm 2004 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng đối với Nguyễn Thị Trà M và Nguyễn Văn P đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến số: 24/NHCS ngày 18/02/2019, tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2019, ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị D có vay của Ngân hàng C (*Phòng Giao dịch huyện T*) tổng số tiền gốc là 30.000.000 đồng để sản xuất, kinh doanh. Tính đến ngày 18/02/2019, gia đình ông C, bà D còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền là 30.170.000 đồng, bao gồm: 30.000.000 đồng tiền gốc và 170.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, hiện nay ông C, bà D thỏa thuận tự giải quyết đối với khoản nợ này nên Ngân hàng C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Chị D, anh C chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh C. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị D và anh C, giao cháu Nguyễn Văn T cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành, anh C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị D đã rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Do ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi mở phiên tòa cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị D rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 30.000.000 đồng cho Ngân hàng C. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị D là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị D và anh Nguyễn Văn C thừa nhận hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau nên chị D và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thể hiện: Chị D và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Xét thấy, chị D, anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 mà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng (*không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*)

theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, chị D có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp “Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình”, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân (*quan hệ vợ chồng*) giữa chị D và anh C.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị D và anh C sinh được 03 người con chung, gồm: Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1992; Nguyễn Văn P, sinh năm 1997 và Nguyễn Văn T, sinh năm 2004. Chị D và anh C đều thống nhất giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/11/2004 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và anh C không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng đối với Nguyễn Thị Trà M và Nguyễn Văn P đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị D, anh C không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, cháu T cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị D và anh C về việc giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cũng đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Do chị D khẳng định đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị D rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội

về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp “Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình”; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân (*quan hệ vợ chồng*) giữa chị Đoàn Thị D và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị Đoàn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/11/2004 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị D được miễn 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/3/2019). Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Tiên Phước;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo